TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2020
V/v ly hôn giữa bà M và ông T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Bình;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST–HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà kết hôn với ông T do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến tháng 10/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về kinh tế, ông T có đánh đập nên bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Đến nay bà xác định tình cảm không còn hàn gắn được nên xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2020, bị đơn ông Lê Quang T trình bày:

Ông thống nhất với bà M về việc kết hôn và trong quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Nay ông xác đinh vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, đã ly thân, tình cảm không còn. Do ông theo đạo Công giáo nên ràng buộc không được ly hôn. Ông đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng nếu bà M kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung, ông thống nhất với bà M vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông nhất trí với lời trình bày của bà M, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Quang T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống vui vẻ bình thường đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn xô sát, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế gia đình, bà M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bà M xin ly hôn, ông T không nhất trí nhưng ông cũng xác định vợ chồng không hòa hợp về quan điểm sống, tình cảm không còn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, kéo dài, các bên cũng không thiết tha tìm biện pháp hòa giải đoàn tụ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lê Quang T.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002024 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Nguyễn Thị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Lê Quang T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên